

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHÁNH VINH  
Số: 557/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Khánh Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2012

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới  
đến năm 2020 xã Khánh Đông, huyện Khánh Vinh.

#### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH VINH

UBND XÃ KHÁNH ĐÔNG

CÔNG VĂN BẢN

Số: 1372/NĐ-UBND

photo 4 bộ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên bộ Nông nghiệp và PTNT, bộ Kế hoạch và Đầu tư, bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

Căn cứ Thông Tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28/10/2011 của liên Bộ Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập, thẩm định, phê duyệt qui hoạch xây dựng xã nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư 09/2010/TT-BXD ngày 04/8/2010 của Bộ Xây dựng về Quy định lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 3071/QĐ – UBND ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh Quy định một số nội dung về quy hoạch chung các xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà và đơn giá thực hiện quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ – UBND ngày 02/02/2012 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh Quy định một số nội dung về quy hoạch chung các xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà và đơn giá thực hiện quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND huyện Khánh Vinh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán quy hoạch, công trình: Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 xã Khánh Đông- huyện Khánh Vinh;

Căn cứ thông báo Kết luận số 121/TB-UBND ngày 07/9/2012 của UBND huyện Khánh Vinh tại cuộc họp thông qua Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã Giang Ly, Khánh Nam, Liên Sang, Khánh Trung, Khánh Đông, Sơn Thái, Cầu Bà, Khánh Thành, Khánh Phú, Khánh Thượng, Khánh Hiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 10/10/2012 của HĐND xã Khánh Đông về việc thống nhất đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 xã Khánh Đông;

Căn cứ Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 18/10/2012 của UBND xã Khánh Đông về việc đề nghị phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 xã Khánh Đông, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa;

Xét tờ trình số 39/TTr-KT&HT ngày 05 tháng 11 năm 2012 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Vĩnh về việc đề nghị phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 xã Khánh Đông,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 của xã Khánh Đông, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

#### I. Vị trí, diện tích, quy mô dân số lập quy hoạch:

##### 1. Ranh giới và diện tích lập quy hoạch

- Xã Khánh Đông ở phía Đông-Bắc huyện Khánh Vĩnh, cách trung tâm huyện khoảng 20 km. Ranh giới xã như sau:
- Phía Bắc giáp xã Ninh Tân, Ninh Hưng, thị xã Ninh Hoà.
- Phía Nam giáp xã Diên Xuân, huyện Diên Khánh
- Phía Đông giáp xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh.
- Phía Tây giáp xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh.
- Diện tích lập quy hoạch trên phạm vi toàn xã, diện tích 5.658,31 ha.

##### 2. Quy mô dân số, lao động

**Biểu 01: Hiện trạng, Quy hoạch dân số, lao động**

Hạng mục	ĐVT	Tổng số	Chia theo các thôn			
			Khu Trung tâm	Thôn Suối Sâu	Thôn Suối Cau	Thôn Suối Thơm
<b>I. HIỆN TRẠNG 2011</b>						
1. Dân số	Người	3112	394	558	763	1397
2. Lao động trong độ tuổi	Người	1872	237	336	459	840
3. Hộ gia đình	Hộ	731	99	142	172	318
<b>II. DỰ BÁO 2015 (tăng tự nhiên)</b>	<b>% năm</b>	<b>1,5</b>				
1. Dân số	Người	3304	419	592	810	1483
2. Lao động trong độ tuổi	Người	1995	252	361	487	895
a. Nông - lâm - thủy sản	Người	1470	122	224	334	790
b. Công nghiệp - Xây dựng, ngành nghề	Người	240	50	72	73	45
c. Thương mại - dịch vụ	Người	285	80	65	80	60
3. Lao động qua đào tạo	%	35,1				
4. Hộ gia đình	Hộ	785	103	144	184	354
<b>III. DỰ BÁO 2020 (tăng tự nhiên)</b>	<b>% năm</b>	<b>1,3</b>				

Hạng mục	ĐVT	Tổng số	Chia theo các thôn			
			Khu Trung tâm	Thôn Suối Sâu	Thôn Suối Cau	Thôn Suối Thơm
1. Dân số	Người	3525	446	632	865	1582
2. Lao động trong độ tuổi	Người	2147	272	385	527	963
a. Nông - lâm - thủy sản	Người	1242	90	190	270	692
b. Công nghiệp - Xây dựng, ngành nghề	Người	540	68	119	172	181
c. Thương mại - dịch vụ	Người	365	114	76	85	90
3. Lao động qua đào tạo	%	51,2				
4. Hộ gia đình	Hộ	858	112	164	206	376
<b>IV. DỰ BÁO 2020 (TN &amp; cơ học)</b>						
1. Dân số tăng cơ học	Người	754	754			
2. Hộ gia đình hộ gia đình	Hộ	138	138			
3. Tổng dân số (III.1 + IV.1)	Người	4279	1200	632	865	1582
4. Hộ gia đình (III.4 + IV.2)	Hộ	996	250	164	206	376

## II. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch hoàn thành 19 tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

### 1. Mục tiêu phát triển:

- Cụ thể hoá định hướng phát triển kinh tế, xã hội của huyện Khánh Vĩnh trong việc phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã Khánh Đông đảm bảo đạt các tiêu chí xã nông thôn mới đến năm 2015.

- Xây dựng phát triển không gian trên địa bàn phù hợp với đặc điểm sinh thái, tập quán sinh hoạt, sản xuất của dân cư trong xã Khánh Đông.

- Hình thành thiết chế trong việc xây dựng phát triển xã có sự tham gia của người dân để đảm bảo tính khả thi, tính bền vững trong xây dựng phát triển xã.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển các điểm dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng; hướng dẫn quản lý đất đai và đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

- Đến năm 2015 có 18/19 tiêu chí đạt tiêu chí nông thôn mới.

- Đến năm 2020 18/19 tiêu chí đạt tiêu chí nông thôn mới.

#### a. Tăng trưởng sản xuất

Tạo ra sự chuyên biến mạnh mẽ trong sản xuất nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và dịch vụ thương mại, trong đó nông - lâm nghiệp giữ vai trò chủ đạo quyết định đến tốc độ tăng trưởng, mà trọng tâm là cây lương thực, cây mía, cây lâu năm khác, chăn nuôi bò, lợn và gia cầm. Tốc độ tăng trưởng thời kỳ 2012 - 2020 đạt 11,8% năm, trong đó giai đoạn 2012 - 2015 tăng 14,3% năm.

#### b. Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế thời kỳ 2012 - 2020 là Nông, lâm, thủy sản - Tiểu thủ công nghiệp, xây dựng - Thương mại, dịch vụ. Chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản; tăng tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

và thương mại, dịch vụ. Đến năm 2020 tỷ trọng các ngành là 60,5% - 24,7% - 14,9%; tổng giá trị sản xuất các ngành tăng 3,6 lần so với năm 2011.

- Ngành nông - lâm - thủy sản : Chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng nông nghiệp và thủy sản, giảm lâm nghiệp. Đến năm 2020 tỷ trọng giá trị các ngành là 92,8% - 0,5 và 6,7. Giá trị sản xuất tăng 3,1 lần so với năm 2011

Nội bộ ngành nông nghiệp : Chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng trồng trọt, tăng chăn nuôi. Đến năm 2020 tỷ trọng giá trị sản xuất là 70,9% - 29,1%. Giá trị sản xuất tăng 3,2 lần so với 2011. Sản xuất đã đảm bảo được an ninh lương thực trên địa bàn và từng bước chuyển sang sản xuất nông sản hàng hóa, đến năm 2020 tỷ trọng giá trị nông sản hàng hóa (sắn, mía, cây lâu năm) chiếm 59,3% giá trị trồng trọt, so với năm 2011 tăng 3,2 lần.

## 2. Kế hoạch hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

**Biểu 02: Kế hoạch hoàn thành 19 tiêu chí Nông thôn mới**

TT	Tên tiêu chí	Đánh giá hiện trạng	Kế hoạch hoàn thành				
			Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2020
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	Chưa đạt	X				
2	Giao thông	Chưa đạt				X	
3	Thủy lợi	Chưa đạt	X				
4	Điện	Chưa đạt		X			
5	Trường học	Chưa đạt				X	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Chưa đạt				X	
7	Chợ nông thôn	Chưa đạt			X		
8	Bưu điện	Đạt				X	
9	Nhà ở dân cư	Chưa đạt				X	
10	Thu nhập	Chưa đạt				X	
11	Hộ nghèo	Chưa đạt				X	
12	Cơ cấu lao động	Chưa đạt					
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Chưa đạt					
14	Giáo dục	Chưa đạt				X	
15	Y tế	đạt					
16	Văn hóa	đạt					
17	Môi trường	Chưa đạt				X	

18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	Chưa đạt			
19	An ninh, trật tự xã hội	Đạt			

### III. Quy hoạch và đầu tư xây dựng xã nông thôn mới:

#### 1. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã

*Không gian phát triển ngành nông nghiệp:* Đến năm 2020 quy hoạch 1.454,5 ha đất sản xuất nông nghiệp, chiếm 25,7% diện tích đất tự nhiên; so với năm 2010 tăng 92,5 ha. Phát triển dọc theo thung lũng Suối thơm, suối Ốc và tỉnh lộ 8, độ cao so với mặt nước biển < 200 m.

- Khu vực đất trồng cây hàng năm : 740,6 ha, chiếm 13,1% diện tích tự nhiên, so với năm 2010 tăng 385,8 ha. Phát triển tập trung ở độ cao < 50 m so với mặt nước biển. Trong đó phát triển 3 vùng trồng lúa nước với diện tích 214,3 ha.

\* Vùng lúa nước phía Bắc : Phát triển dọc theo Suối Thơm, Suối Ốc, trong đó vùng lúa tập trung thuộc vùng tưới đập Suối Tôm, đập Suối Ốc, trạm bơm Đồng Điền và hệ thống thủy lợi Sông Chò 1.

\* Vùng trồng lúa Diên Thạnh, thôn Suối Cau.

\* Vùng trồng lúa thôn Suối Sâu.

- Khu vực đất trồng cây lâu năm : Diện tích 713,9 ha, chiếm 12,6% diện tích tự nhiên, so với năm 2010 giảm 293,3 ha (chủ yếu chuyển sang đất cây hàng năm). Phát triển ở phía Đông, phía Bắc xã, độ cao 50 - < 200 m so với mặt nước biển.

*Không gian phát triển ngành lâm nghiệp :* Đến năm 2020 quy hoạch 3.899,2 ha đất lâm nghiệp, chiếm 68,9% diện tích tự nhiên; so với năm 2010 giảm 141,9 ha (chủ yếu chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp – vùng tưới hồ Sông Chò 1). Phát triển ở phía Bắc, phía Đông; độ cao > 200m so với mặt nước biển.

*Không gian phát triển tiểu thủ công nghiệp, vật liệu xây dựng :* Diện tích 23,83 ha, chiếm 0,4% diện tích tự nhiên; Phát triển ở khu trung tâm (cụm công nghiệp), phía Nam xã (nhà máy gạch tuynen) và rải rác ở các vùng khác (bãi vật liệu xây dựng); so với 2010 tăng 13,2 ha.

*Không gian phát triển khu trung tâm xã :*

Khu Trung tâm xã được xây dựng trên cơ sở mở rộng diện tích từ 3 thôn Suối Cau và một phần diện tích thôn Suối Sâu. Bắt đầu từ cầu Suối Tre theo quốc lộ 8 đến UBND xã và cầu Suối Khao. Tổng diện tích tự nhiên 34,7 ha (thôn Suối Cau 29,55 ha; thôn Suối Sâu 5,15 ha), chiếm 0,6% diện tích tự nhiên, trong đó đất ở 11,29 ha. Khu trung tâm xã có đường tỉnh lộ 8, đường trục liên thôn số 2, số 3 đi qua; tại đây sẽ xây dựng hầu hết các cơ sở hạ tầng kinh tế - văn hóa – xã hội của xã.

*Không gian phát triển các khu dân cư :*

Các khu dân cư phát triển theo đường tỉnh lộ 8 và các tuyến đường trục liên thôn xóm số 1, 2 và số 3. Tổng diện tích đất các khu dân cư các thôn là 74,66 ha, chiếm 1,3% diện tích tự nhiên, trong đó diện tích đất ở 36,19 ha

- Khu dân cư thôn Suối Cau : Phát triển theo tỉnh lộ 8, đường trục liên thôn số 1. Diện tích 14,18 ha, trong đó đất ở 10,15 ha.

- Khu dân cư thôn Suối Sâu : Phát triển theo tỉnh lộ 8. Diện tích 22,88 ha; trong đó đất ở 7,4 ha.

- Khu dân cư thôn Suối Thơm: Phát triển theo đường trục liên thôn xóm số 2 và số 3. Diện tích 37,6 ha, trong đó đất ở 18,64 ha.

## 2. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

### Biểu 03: Quy hoạch sử dụng đất xã Khánh Đông đến năm 2020

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	Mã	2015		2020	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)</b>		<b>5.658,3</b>	<b>100,0</b>	<b>5.658,3</b>	<b>100,0</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>5.369,7</b>	<b>94,9</b>	<b>5.359,9</b>	<b>94,7</b>
1.1	Đất lúa trồng lúa	DLN	173,2	3,1	243,8	4,3
	Trong đó : Chuyên trồng lúa nước	LUK	130,5	2,3	214,3	3,8
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	362,7	6,4	496,8	8,0
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	767,9	13,6	712,9	12,6
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.793,0	49,4	2.793,0	49,4
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	1.266,7	22,4	1.106,2	19,5
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5,0	0,1	5,0	0,1
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,2	0,0	1,2	0,0
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>260,2</b>	<b>4,6</b>	<b>270,0</b>	<b>4,8</b>
2.1	Đất trụ sở C.quan, C.trình SN	CTS	1,1	0,0	1,1	0,0
2.2	Đất quốc phòng	CQP	50,0	0,9	50,0	0,9
2.5	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	4,5	0,1	4,3	0,1
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	19,9	0,4	19,6	0,3
2.8	Đất di tích, danh thắng	DDT	0,1	0,0	0,1	0,0
2.9	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRH	2,0	0,0	2,0	0,0
2.10	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	1,7	0,0	1,7	0,0
2.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	12,7	0,2	12,6	0,2
2.12	Đất có mặt nước CD	MNC	8,0	0,1	8,0	0,1
2.13	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	SON	69,5	1,2	69,5	1,2
2.14	Đất hạ tầng	DHT	48,0	0,8	53,7	0,9
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>26,6</b>	<b>0,5</b>	<b>26,6</b>	<b>0,5</b>
<b>4</b>	<b>Đất khu dân cư nông thôn</b>	<b>DNT</b>	<b>109,4</b>	<b>1,9</b>	<b>109,4</b>	<b>1,9</b>
	Trong đó : Đất ở	ONT	42,9	0,8	47,5	0,8

## 3. Quy hoạch phát triển sản xuất

### 3.1. Ngành nông – lâm - thủy sản

a. Trồng trọt:

Phát triển 5 cây trồng chính là cây lúa, cây ngô, cây mía, cây sắn và cây lâu năm khác (cây keo lai).

- Tốc độ tăng trưởng 2012 – 2020 đạt 10,2% năm.
- Tỷ trọng giá trị sản xuất năm 2020 chiếm 70,9% giá trị sản xuất nông nghiệp.

Biểu 4 : Hiện trạng và Quy hoạch cây trồng chính

Hạng mục	ĐVT	2011	2015	2020
<b>TỔNG SỐ DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG</b>	Ha	1.354,0	1.535,9	1.875,9
Trong đó:				
1. Cây lúa	Ha	202,7	248,0	418,0
Sản lượng	Tấn	819,1	1172,0	2184,0
2. Cây ngô	Ha	130,0	153,0	260,0
Sản lượng	Tấn	260,0	459,0	91,0
3. Cây sắn	Ha	83,0	100,0	100,0
Sản lượng	Tấn	1.245,0	2000,0	2500,0
4. Cây mía	Ha	155,0	200,0	250,0
Sản lượng	Tấn	6.045,0	8800,0	12735,0
5. Cây thực phẩm	ha	67,3	75,0	85,0
a. Rau xanh	Ha	40,0	40,0	40,0
Sản lượng	Tấn	400,0	520,0	560,0
b. Đậu đỗ các loại	Ha	27,3	35,0	45,0
Sản Lượng	Tấn	19,1	52,5	81,0
6. Cây vừng	Ha	20,0	25,0	30,0
Sản lượng	Tấn	6,0	12,5	24,0
7. Cây điều	Ha	200,0	112,0	100,0
Sản lượng	Tấn	13,7	12,0	42,5
8. Cây ăn quả	Ha	62,0	80,0	80,0
Sản lượng	Tấn	192,0	220,0	390,0
9. Cây LNK (keo lai)	Ha	420,0	542,9	542,9
Sản lượng	M3	3.500,0	6400,0	8800,0

b. Chăn nuôi : Vật nuôi chính là chăn nuôi bò thịt, lợn và gia cầm (gà).

- Tốc độ tăng trưởng 2012 – 2020 đạt 10,1% năm.
- Tỷ trọng giá trị sản xuất năm 2020 chiếm 29,1% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp

Biểu 5 : Quy mô đàn gia súc , gia cầm

Hạng mục	ĐVT	2011	2015	2020
<b>I. Quy mô đàn</b>				
1. Đàn trâu	Con	16	50	100
2. Đàn bò	Con	1131	1500	1500
3. Đàn lợn	Con	1020	1500	2500
4. Đàn gia cầm		13000	20000	30000
<b>II. Sản lượng thịt hơi</b>		173,8	279,1	429,8

Hạng mục	ĐVT	2011	2015	2020
1. Thịt trâu hơi	Tấn	0,7	2,2	4,8
2. Thịt bò hơi	Tấn	56,9	77,4	81,0
3. Thịt lợn hơi	Tấn	92,8	157,5	281,0
4. Thịt gia cầm	Tấn	23,4	42,0	63,0

**c. Lâm nghiệp**

+ Đến năm 2020 quy hoạch 3.899,2 ha đất lâm nghiệp.

- Rừng sản xuất : 1.106,2 ha.

- Rừng phòng hộ : 2.793,0 ha.

+ Trồng rừng sản xuất : 897 ha, bình quân 100 ha/năm.

+ Khai thác gỗ rừng trồng : 170 ha/năm. Sản lượng gỗ 13.400 m<sup>3</sup>/năm.

**d. Thủy sản**

Khuyến khích nông dân phát triển mô hình VAC, VA để nuôi thả cá. Từ 2015 quy hoạch 5 ha nuôi thả cá, sản lượng 12,5 tấn. Năm 2020 diện tích nuôi thả 5,0 ha; sản lượng 15,0 tấn.

**3.2. Quy hoạch sản xuất tiêu thủ công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ**

**a. Ngành tiêu thủ công nghiệp – xây dựng**

Đẩy mạnh phát triển tiêu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn. Tập trung vào một số trọng điểm như sau :

- Sản xuất gạch tuynen : Năm 2015 : 15 triệu viên; 2020 : 22 triệu viên.

- Khai thác đá chẻ : Năm 2015 : 250 ngàn viên; 2020 : 500 ngàn viên.

- Chế biến đường thủ công : Năm 2015: 200 tấn; 2020 : 250 tấn.

- Ngành nghề khác (cơ khí sửa chữa, cưa xẻ gỗ, mây tre, sản xuất đồ mộc dân dụng; mộc mỹ nghệ, xay xát gạo; ngô, may mặc ...).

**b. Thương mại - dịch vụ**

- Xây dựng chợ nông thôn ở khu trung tâm xã.

- Phát triển hệ thống dịch vụ chân rết ở các khu dân cư, theo đường giao thông chính.

**3.3. Hỗ trợ đào tạo nghề và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất**

**a. Hỗ trợ đào tạo nghề**

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho 838 lao động (cơ cấu đào tạo : Trung cấp 25%, sơ cấp 50%, bồi dưỡng chuyên môn 25%), chú ý đào tạo ngành nông nghiệp, chú ý đào tạo ngành nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ thực vật ...), đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của xã; đến 2015, tỷ lệ lao động qua đào đạt 35,1%, năm 2020 là 51,2%. Đồng thời góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động ở khu vực nông nghiệp, nông thôn theo hướng giảm dần tỷ trọng lao động nông - lâm - thủy sản, tăng tiêu thủ công nghiệp – xây dựng và dịch vụ thương mại; tỷ lệ trên năm 2011 là 78,7% - 8,3% - 12,9%, năm 2015 là 73,4% - 12,0% - 14,3%, năm 2020 là 57,8% - 25,2% - 17,0%.

- Đào tạo chuyên môn cho 6 cán bộ xã, trình độ lý luận chính trị 7 cán bộ xã. Phấn đấu đến 2015, 100% cán bộ xã đạt chuẩn (vừa có trình độ chuyên môn vừa có trình độ chính trị).

**b. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất**



- Cùng cố các tổ liên kết sản xuất hiện có, thành lập thêm các hình thức tổ chức sản xuất mới là HTX sản xuất, HTX dịch vụ tổng hợp trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản, phát triển kinh tế trang trại...

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn xã, đa dạng hóa các hoạt động thương mại theo các hình thức hợp tác, liên kết.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ sản xuất, HTX dịch vụ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển có hiệu quả bền vững; nâng cao vị trí, vai trò của kinh tế tập thể trong đời sống cộng đồng nông thôn qua việc góp phần vào đầu tư hạ tầng nông thôn, y tế, giáo dục, thể thao.

#### 4. Quy hoạch xây dựng:

##### 3.1. Quy hoạch khu dân cư nông thôn

Trong kỳ quy hoạch sẽ thành lập thêm khu dân cư trung tâm, như vậy toàn xã có 4 khu dân cư. Đến 2020 tổng diện tích đất khu dân cư là 109,36 ha, trong đó đất ở 47,48 ha, cụ thể như sau :

- Khu trung tâm : 34,7 ha, trong đó đất ở 11,29 ha.

- Thôn Suối Cau : 14,18 ha, trong đó đất ở 10,15 ha.

- Thôn Suối Sâu: 22,9 ha, trong đó đất ở 7,4 ha.

- Thôn Suối Thơm : 37,6 ha, trong đó đất ở 18,6 ha.

**b. Các công trình xây dựng ở các thôn :** Mỗi thôn xây dựng 1 nhà sinh hoạt văn hóa và 1 sân thể thao thôn. Đối với thôn Suối Thơm cần xây dựng điểm trường mẫu giáo và tiểu học.

**c. Các công trình xây dựng ở khu trung tâm xã gồm :** Trụ sở UBND xã, trường học các cấp, trạm y tế, bưu điện, các công trình văn hóa thể thao, chợ, cụm tiểu thủ công nghiệp, công viên cây xanh ...

##### 3.2. Quy hoạch khu trung tâm xã

###### Vị trí, ranh giới, diện tích đất, dự báo quy mô xây dựng

**a. Vị trí :** Khu trung tâm xã Khánh Đông được Quy hoạch trên cơ sở khu trung tâm hiện trạng. Có đường tỉnh lộ 8 đi qua nối trung tâm xã với các địa phương bên ngoài, giao thông rất thuận lợi.

###### **b. Ranh giới khu trung tâm xã**

+ Phía Bắc giáp đất sản xuất thôn Suối Cau.

+ Phía Tây giáp suối Thơm (cầu Suối Khao theo hướng Nam đến ngã 3 sông Chò).

+ Phía Nam giáp Suối Tre

+ Phía Đông giáp đất sản xuất thôn Suối sâu.

Biểu 6: Quy hoạch sử dụng đất khu trung tâm xã Khánh Đông

DVT: m<sup>2</sup>

Hạng mục công trình	2011	2020	Tăng, giảm	Nội dung thực hiện
<b>Tổng số</b>	<b>187.760</b>	<b>346.531</b>	<b>158.771</b>	
I. Đất ở	47.300	112.900	76.700	Chỉnh trang hiện trạng
II. Các công trình hạ tầng (m <sup>2</sup> )	140.460	233.631	82.540	
1 Trụ sở UBND xã	12.500	12.500		Đã xây dựng

Hạng mục công trình	2011	2020	Tăng, giảm	Nội dung thực hiện
2. Trường học	2.670	10.236	5.335	
a. Mẫu giáo S.Hồng (T.chính)		2.430	2.430	Xây dựng mới
b. Trường TH K.Đông (T.chính)	2.670	2.670		Chỉnh trang
c. Trường Trung học cơ sở		5.136	5.136	Xây dựng mới
3. Khu văn hóa, thể thao	7.400	23.685	16.285	Xây dựng mới
TĐ : Sân vận động xã	7.400	11.000	3.600	Xây dựng mới
Nhà văn hóa xã + khu dân cư		3.500	3.500	Xây dựng mới
4. Trạm y tế xã	785	785		Đã xây dựng
5. Bưu điện	405	405		Đã xây dựng
6. Hội người cao tuổi	300	300		Đã xây dựng
7. Lò đường thủ công	8.000	8.000		Đã có
8. Chợ xã		3.505	3.505	Xây dựng mới
9. Cụm công nghiệp, TTCN		36.500	36.500	Xây dựng mới
10. Công viên, vườn hoa		23.085	23.085	Xây dựng mới
11. Khu cây xanh		47.030	47.030	Chỉnh trang, trồng mới
12. Giao thông	20.500	29.700	9.200	Chỉnh trang hiện trạng, xây dựng tuyến đường mới
Tỉnh lộ 8	9.600	9.600	0	
Ngõ xóm	10.900	20.100	9.200	
13. Nông nghiệp	87.500	37.500	-50.000	Sản xuất cây thực phẩm
14. Đất khác	400	400		

Toàn bộ các công trình công cộng, các công trình sản xuất kinh doanh đều được xây dựng ở khu trung tâm xã.

+ Những công trình đã có giữ nguyên hiện trạng gồm: Trụ sở UBND xã, Bưu điện văn hóa. Những công trình trên xây dựng phù hợp với quy hoạch, đáp ứng được yêu cầu.

+ Những công trình cần quy hoạch và xây dựng mới trong thời gian tới là : Trường Mẫu giáo bán trú Sen Hồng (trường chính), khu văn hóa thể thao xã, trường trung học cơ sở Khánh Đông, chợ xã, cụm tiêu thủ công nghiệp, công viên vườn hoa.

+ Những công trình đã có nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu cần được chỉnh trang, hoặc quy hoạch xây dựng mới gồm : Trường tiểu học Khánh Đông và các điểm trường thôn Suối Thơm cần được chỉnh trang nâng cấp. Trường mẫu Giáo Sen Hồng cả trường chính và 2 điểm trường chưa ổn định, trường chính vị trí chưa phù hợp; thiếu diện tích, điểm trường Suối Sâu và Suối Thơm chưa có đất; do đó cần phải quy hoạch xây dựng mới trường chính và nâng cấp các điểm trường.

### 3.3. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường.

**a. Giao thông nông thôn (Tiêu chí 2) :** Quy hoạch 60 tuyến đường địa phương quản lý, tổng chiều dài 40,65 km và xây dựng cầu Suối Ốc, kè bờ suối Thơm. Đến 2015 đạt tiêu chí NTM.

Thời kỳ 2012 – 2020 đầu tư cứng hóa 31,36 km đường các loại:

+ 2012 – 2015 cứng hóa 20,0 km. Đến năm 2015 có 29,29/40,65 km đường được cứng hóa, đạt tỷ lệ 72,1%, Đạt tiêu chí NTM.

+ 2016 – 2020 cứng hóa 11,36 km. Đến 2020 có 40,65/40,65 km đường được cứng hóa, đạt 100% và xây dựng cầu suối Ốc và 2 đoạn bờ kè suối Thơm.

**b. Thủy lợi (Tiêu chí 3):**

Thời kỳ 2012 – 2020 nâng cấp đập suối Tôm, xây dựng 3 trạm bơm điện và hệ thống kênh nội đồng của các trạm bơm và kênh nội đồng hệ thống Sông Chò 1.

+ 2012 – 2015:

- Xây dựng 4,3 km kênh bê tông nội đồng, trong đó 1,2 km kênh của hệ thống đập suối Tôm để mở rộng diện tích tưới, đến 2012 đạt tiêu chí NTM

- Xây dựng trạm bơm Suối Khao, trạm bơm Diên Thạnh

Đến 2015 tổng diện tích tưới thiết kế là 127 ha.

+ 2016 – 2020

- Xây dựng 6,3 km kênh bê tông nội đồng, trong đó 5 km sông Chò 1.

- Xây dựng trạm bơm Đồng Diên.

Đến 2020 tổng diện tích tưới thiết kế là 297 ha.

**c. Điện (tiêu chí 4) :** Năm 2015 đạt tiêu chí NTM

Thời kỳ 2012 – 2020 lắp đặt đồng hồ điện cho 124 hộ và đầu tư xây dựng 2 trạm biến áp, 1,1 km đường dây 0,4 kv.

+ 2012 – 2015: Lắp đặt 52 đồng hồ, 1,1 km đường dây 0,4 kv và nâng cấp trạm biến áp thôn Suối Cau lên 100 KVA. Đến 2013 có 725 hộ dùng điện, đạt 99,2%, đạt tiêu chí NTM

+ 2016 – 2020 : Lắp đặt 72 đồng hồ và xây dựng trạm biến áp 100 KVA ở khu trung tâm. Phân đầu đến 2020 có 100% hộ sử dụng điện.

**d. Hệ thống trường học (Tiêu chí 5) :** Năm 2015 đạt tiêu chí NTM

Xây dựng 3 cấp học. Trường mẫu giáo và tiểu học cần đầu tư chỉnh trang lại để đạt chuẩn, đồng thời xây dựng mới trường trung học cơ sở.

+ 2012 - 2015

\*. *Trường mẫu giáo:* Xây dựng trường mẫu giáo bán trú Sen Hồng ở khu trung tâm xã, quy mô 6 – 8 nhóm lớp, đồng thời cải tạo nâng cấp điểm trường Suối Thơm, điểm trường Diên Thủy (xây dựng mới và sửa chữa phòng học; xây dựng các công trình phụ trợ). Đến 2014 đạt tiêu chí NTM.

\*. *Trường tiểu học:* Đầu tư xây dựng các phòng chức năng, phòng chuyên môn và công trình phụ trợ ở trường chính và các điểm trường; sửa chữa và xây dựng một số phòng học ở các điểm trường thôn suối Thơm. Đến 2015 đạt tiêu chí NTM.

\*. *Xây dựng mới trường THCS* ở khu trung tâm, qui mô 12 lớp. Đến 2015 đạt tiêu chí NTM.

+ 2016 – 2020 : Tiếp tục đầu tư để đến năm 2020 cơ sở vật chất trường học đạt 100% so với yêu cầu.

**e. Văn hóa - thể thao (Tiêu chí 6) . Đến 2015 đạt tiêu chí NTM**

\*. *Khu văn hóa trung tâm xã và nhà sinh hoạt văn hóa thôn*

+ 2012 – 2015

- Trung tâm văn hóa xã : Năm 2014 xây dựng khu văn hóa xã (hội trường 200 chỗ ngồi, trang thiết bị, các phòng chức năng ...). Đến 2014 đạt tiêu chí NTM.

- Nhà sinh hoạt văn hóa thôn : Xây dựng nhà sinh hoạt văn hóa thôn Suối Cau, Suối Thơm, Suối Sâu và khu dân cư trung tâm (hội trường 80 chỗ ngồi, trang thiết bị và các công trình phụ trợ). Đến năm 2015 đạt tiêu chí NTM

+ 2016 – 2020 : Tiếp tục đầu tư, đến 2020 đạt 100% so với yêu cầu.

\*. *Thể thao*

- 2012 – 2015 : Xây dựng sân vận động xã và sân thể thao thôn Suối Thơm, Suối Sâu và Suối Cau. Đến 2015 đạt tiêu chí MTM

+ 2016 – 2020 : Tiếp tục đầu tư, đến 2020 đạt 100% so với yêu cầu

**f. Chợ nông thôn (Tiêu chí 7) : Năm 2014 đạt tiêu chí NTM.**

- 2012 – 2015 : Năm 2014 xây dựng chợ xã (nhà chợ chính, khu ngoài trời và công trình phụ trợ). Năm 2014 đạt tiêu chí NTM.

**g. Nhà ở dân cư (Tiêu chí 9) . Năm 2015 đạt tiêu chí NTM**

- 2012 – 2015 : Xóa nhà tạm giột nát và xây dựng, cải tạo thêm 292 căn nhà đạt chuẩn. Đến 2015 không còn nhà tạm, nhà đạt chuẩn đạt 80,3% đạt tiêu chí NTM.

+ 2016 – 2020 : Tiếp tục đầu tư 149 căn nhà đạt chuẩn, đến 2020 tỷ lệ nhà đạt chuẩn 89,7%.

**k. Y tế (Tiêu chí 15). Năm 2011 đạt tiêu chí NTM.**

- Tiếp tục vận động dân cư tích cực tham gia các hình thức bảo hiểm y tế.

- Thực hiện thu gom, xử lý chất thải y tế theo quy định.

- Trang bị thêm một số dụng cụ; thiết bị, sửa chữa; bảo dưỡng cơ sở hạ tầng; thiết bị, thực hiện đầy đủ chương trình mục tiêu y tế quốc gia, hạ thấp tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng; hạ thấp tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ...

**l. Văn hóa (Tiêu chí 16). Năm 2011 đạt tiêu chí NTM**

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa thể thao ở các thôn xóm ổn định, thường xuyên.

**i. Môi trường (Tiêu chí 17). Năm 2015 đạt tiêu chí NTM**

\* *Nước sạch sinh hoạt*

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước Đá Trài đạt tiêu chuẩn Bộ Y tế.

- Xây dựng hệ thống cấp nước Suối Mây đạt tiêu chuẩn Bộ Y tế

Đến 2015 toàn xã có 700 hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 89,2%; trong đó đạt quy chuẩn quốc gia là 52,4%. Đạt tiêu chí nông thôn mới

\*. *Quy hoạch nghĩa trang*: Năm 2015 đạt tiêu chí NTM

Quy hoạch nghĩa trang tại thôn Suối Thơm quy mô 7,6 ha (Phân khu chức năng, phân lô mộ, xây dựng nhà tang lễ, đường đi, cây xanh, rào ngăn thích hợp. Các tuyến đường chính và đường nhánh trong nghĩa, hệ thống mương thoát nước).

\*. *Quy hoạch hệ thống thoát nước*: Năm 2015 đạt tiêu chí NTM.

+ Đối với khu dân cư : Thoát nước theo hướng tự chảy tràn trên bề mặt.

+ Đối với khu trung tâm xã xây dựng 1,5 km rãnh thoát nước hồ theo các tuyến đường để nâng cao khả năng thoát nước ở mùa mưa.

\*. Quy hoạch bãi rác, điểm tập kết, thu gom và xử lý rác thải: năm 2014 đạt tiêu chí NTM

Xây dựng khu tập kết, xử lý rác thải diện tích 2,0 ha ở phía Tây xã (thôn Suối Cau), rác thải được thu gom về đây, xử lý bằng phương pháp chôn lấp.

## 5. Các dự án ưu tiên:

Biểu 7 : Danh mục công trình đầu tư ưu tiên và phân kỳ đầu tư

TT	Hạng mục đầu tư	Tổng số	Chia ra	
			12-15	16-20
	<b>TỔNG CỘNG</b>	131.350	83.864	47.487
<b>I</b>	<b>HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT</b>	46.523	22.878	23.645
1	Khai hoang, xây dựng đồng ruộng	4.490	430	4.060
2	Phát triển trồng trọt (cây ăn quả, cây điều, cây keo)	8.846	7.646	1.200
3	Phát triển chăn nuôi (bò cái sinh sản, lợn nái)	1.408	678	730
4	Trồng rừng sản xuất	31.779	14.124	17.655
<b>II</b>	<b>CƠ SỞ HẠ TẦNG</b>	79.259	55.418	23.842
1	Giao thông	35.980	22.980	13.000
-	Đường liên thôn (Tuyến 1, 2 và tuyến 3)	11.500	3.750	7.750
-	Đường thôn (Tuyến 9, 12, 15, 18 và tuyến 20)	8.280	5.580	2.700
-	Đường SX (Tuyến 26, 26a, 28, 32, 35, 36, 42, 46, 48 và 49)	16.200	13.650	2.550
-	Bờ kè	2.400		2.400
2	Thủy lợi	5.355	3.520	1.835
-	Kênh mương các trạm bơm	3.080	2.365	715
-	Các trạm bơm điện	2.275	1.155	1.120
3	Điện (lắp đặt các trạm biến áp)	1.456	728	728
4	Giáo dục	24.908	17.415	7.494
-	Xây dựng trường mẫu giáo bán trú (trường chính)	6.380	4.445	1.935
-	Xây dựng trường trung học cơ sở Khánh Đông	18.528	12.970	5.558
5	Văn hóa - Thể thao	5.240	4.455	785
-	Khu văn hóa trung tâm xã	2.785	2.075	710
-	Nhà sinh hoạt văn hóa các thôn	2.455	2.380	75
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn Bộ Y tế	6.320	6.320	
-	Cải tạo nâng cấp hệ thống cấp nước Đá Trại	1.450	1.450	
-	Xây dựng mới hệ thống cấp nước Suối Mây	4.870	4.870	
<b>III</b>	<b>ĐÀO TẠO NGHỀ</b>	5.568	5.568	

## 6. Vốn đầu tư, kế hoạch đầu tư

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư : 240,4 tỷ đồng

+ Giai đoạn 2012 – 2015 : 148,1 tỷ đồng, chiếm 61,6%.

+ Giai đoạn 2016 – 2020 : 92,3 tỷ đồng, chiếm 38,4%.

**- Nguồn vốn**

+ Vốn ngân sách 113,9 tỷ đồng, chiếm 47,4%.

+ Vốn doanh nghiệp, hợp tác xã 43,3 tỷ đồng, chiếm 18,0%.

+ Vốn cộng đồng dân cư 24,0 tỷ đồng, chiếm 10,0%.

+ Vốn tín dụng 59,2 tỷ đồng, chiếm 24,6%.

**Điều 2.** Căn cứ Quyết định này, UBND xã Khánh Đông triển khai thực hiện các công việc tiếp theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo đúng tiến độ theo yêu cầu đề ra.

**Điều 3.** Chánh văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Khánh Vĩnh, Chủ tịch UBND xã Khánh Đông và thủ trưởng các cơ quan ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;

- Lưu: VT, KTHT, Trg.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Văn Hoa*

**LÊ VĂN HOA**